

Bản án số: 55/2022/HS-PT
Ngày: 06-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thanh H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp PN, xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị S; vợ: Phan Thị Th; có hai con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: Ngày 29/4/2020, bị Trưởng Công an xã PĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 03323/QĐ-XPHC với số tiền 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (đã nộp phạt ngày 29/01/2021); nhân thân: tại Bản án hình sự phúc thẩm số 114/2008/HSPT ngày 10/7/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 năm 09 tháng tù về “Tội cướp tài sản” và “Tội đánh bạc” (chấp hành xong ngày 30/8/2010). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/02/2021 đến ngày 02/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa;

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đinh Thị Bé M – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt);

- Bị hại: Huỳnh Song C, sinh năm 1956;

Nơi cư trú: ấp PH, xã QT, huyện CT, tỉnh Bến Tre, (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Lê Thị Mỹ H – Trợ

giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Người làm chứng: Võ Văn H, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: ấp PN, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết khu vườn của bà Huỳnh Song C, tại ấp PN, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre, thường xuyên không có người trông coi nên Nguyễn Thanh H nảy sinh ý định bứng trộm mai của bà C. Khoảng 12 giờ ngày 08/01/2021, Nguyễn Thanh H mang theo một cây xẻng đột nhập vào vườn bà C bứng trộm cây mai vàng có chiều cao 6m, tán cây rộng nhất 2m, bề hoành gốc 54cm. Sau khi bứng xong cây mai, H dùng lưới có sẵn ở gốc mai quấn quanh gốc mai lại và dùng dây nhựa màu trắng buộc lại rồi đi về nhà nghỉ. Khi về đến nhà H gặp Võ Đại T là bạn bè quen biết ngoài xã hội đến nhà H chơi. Tôn và H uống rượu với nhau tại nhà H. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày H nói với Tôn “đi lên xóm mé trên phụ anh khiêng cây mai”, thì được Tôn đồng ý.

Sau đó cả hai đi đến đất vườn của bà C nơi H đã bứng cây mai, rồi cả hai khiêng cây mai ra bờ sông cách gốc mai đã bứng 42,8m, H kêu Tôn ngồi giữ cây mai, còn H về nhà bơi xuồng bằng gỗ kích thước (6,6x1,4x0,6)m đến, cả hai khiêng cây mai xuống xuống gỗ, rồi T đi về nhà H ngủ. H bơi xuồng ra sông để chở cây mai về nhà nhưng do nước chảy nên H buộc xuồng gần cầu BL thuộc ấp PL, xã PD rồi đi bộ về nhà. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/01/2021 H nhờ Tôn chở H đến vị trí buộc chiếc xuồng thì bị lực lượng Công an xã PD tuần tra lập biên bản tạm giữ tang vật.

Vật chứng tạm giữ: 01 cây mai vàng có chiều cao 6m, tán cây rộng nhất 2m, bề hoành gốc 54cm. 01 chiếc xuồng bằng gỗ kích thước (6,6x1,4x0,6) mét bị mục, bề nhiều nơi, không gắn động cơ; 01 xe mô tô biển số 71B4-454.36 màu trắng, kiểu dáng wave; 01 cây xẻng có chiều dài 1,175 mét, lưỡi bằng kim loại dài 27,5cm, rộng nhất 17,5cm, bề bén rộng nhất 13cm, chân đập bằng kim loại cách lưỡi xẻng 5,5cm, dài 12,5cm, đường kính 02cm, có bọc cao su, tay cầm của xẻng bằng kim loại dài 10cm, đường kính 3,3cm, trọng lượng cây xẻng nặng 02kg; 01 cây xẻng có chiều dài 1,22 mét, lưỡi bằng kim loại dài 30cm, rộng nhất 17,5cm, bề bén rộng nhất 13cm, chân đập bằng kim loại cách lưỡi xẻng 08cm, dài 5,5cm, đường kính 1,3cm, không bọc cao su, tay cầm của xẻng bằng kim loại dài 10cm, đường kính 3,3cm, trọng lượng cây xẻng nặng 2,25kg.

Bản kết luận định giá trị tài sản của Hội đồng định giá huyện Châu Thành xác định: 01 cây mai vàng có chiều cao 6 mét, tán cây rộng nhất là 2 mét, bề hoành gốc cây mai là 54 cm có giá trị 60.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1

khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/02/2022, bị cáo Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại cây mai do bị cáo trộm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không buộc bị cáo phải bồi thường giá trị cây mai cho bị hại. Ngày 11 tháng 3 năm 2022, Nguyễn Thanh H có đơn kêu oan với nội dung bị cáo có yêu cầu giám định lại giá trị cây mai đã lấy trộm nhưng không được xem xét giải quyết. Hội đồng định giá huyện CT kết luận giá trị 01 cây mai mà bị cáo đã lấy trộm là 60 triệu đồng là quá cao và không đúng với cây mai mà bị cáo đã lấy trộm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 02 (hai) năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Ông Võ Văn H có xác nhận gửi đến Tòa án cấp phúc thẩm xác định có bán cho bà Huỳnh Song C 10 (mười) cây mai và một căn nhà cấp 4 với tổng số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Vì vậy Hội đồng định giá tài sản huyện CT định giá 01 gốc mai có giá trị 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là chưa hợp lý. Mặt khác, Cơ quan điều tra và Tòa án cấp Sơ thẩm cũng chưa chứng minh được cây mai đưa ra định giá là cây mai do bị cáo bứng trộm của bà C. Đề nghị hủy bản án của sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của Pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm về lo cho các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp

sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: khoảng 12 giờ ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại ấp PN, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thanh H đã có hành vi lén lút đào bứng trộm 01 cây mai vàng có chiều cao 06m, tán cây rộng nhất 02m, bề hoành gốc 54cm, đang trồng trên đất của bà Huỳnh Song C. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện CT kết luận: 01 cây mai vàng có chiều cao 6 mét, tán cây rộng nhất là 2 mét, bề hoành gốc cây mai là 54 cm có giá trị 60.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H không đồng ý với kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện CT, bị cáo cho rằng kết quả định giá cây mai bị cáo đã lấy trộm 60.000.000 đồng là quá cao và yêu cầu định giá lại tài sản. Thấy rằng, trong quá trình điều tra, Nguyễn Thanh H không đồng ý với kết quả định giá và yêu cầu định giá lại tài sản. Ngày 19/02/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện CT đã có yêu cầu định giá lại tài sản lần 1. Ngày 23/02/2021 Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre có văn bản thống nhất không xác định lại giá trị tài sản theo yêu cầu định giá lại tài sản lần 1 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành. Do việc yêu cầu định giá lại chưa đúng theo quy định Nghị định số 30/2018/NĐ-CP. Cụ thể việc bị cáo không đồng ý với kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CT chưa đủ căn cứ nghi ngờ về kết luận định giá để tiến hành định giá lại. Đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện CT cung cấp hồ sơ chứng minh việc định giá tài sản của hội đồng định giá là chưa đúng với giá trị thực tế của tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã có văn bản yêu cầu giải thích kết luận định giá, Hội đồng định giá tài sản huyện CT đã có văn bản giải thích kết luận định giá tài sản. Ngày 29 tháng 3 năm 2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã giải thích và thông báo kết quả yêu cầu định giá lại cho H biết, nhưng H vẫn không đồng ý và tiếp tục yêu cầu định giá lại. Ngày 29/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã có yêu cầu định giá lại tài sản lần 2, đến ngày 11 tháng 8 năm 2021 Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre đã có văn bản trả lời bị cáo chưa nêu được căn cứ cụ thể nghi ngờ về kết luận định giá số 41/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện CT.

Qua kiểm tra lại hồ sơ định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện CT, thấy rằng, khi tiến hành định giá, Hội đồng định giá huyện CT đã mời thêm chuyên gia trong lĩnh vực cây cảnh là Chủ tịch Hội sinh vật cây cảnh huyện CT cùng tham gia xác định giá trị. Việc xác định giá trị trên là phù hợp và đúng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 17 Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/03/2018 của Chính Phủ quy định: *“Tài sản không mua bán phổ biến trên thị trường; tài sản là kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị văn hóa, tôn giáo, khảo cổ, kiến trúc, lịch sử: Hội đồng định giá xác định giá tài sản dựa trên kết quả giám định, ý kiến đánh giá của cơ quan có thẩm quyền và chuyên gia về lĩnh vực này hoặc giá trị ghi trong hồ sơ, tài liệu của tài sản”*.

Căn cứ hồ sơ định giá thấy rằng cây mai được Hội đồng định giá xem xét có đặc điểm nhận dạng đúng với cây mai trong bản ảnh vật chứng có sự chứng kiến của bị cáo và biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 09/01/2021 do đó bị cáo cho rằng Hội đồng định giá không đúng với cây mai bị cáo trộm là không có căn cứ.

Vì vậy, việc định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện CT thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thành phần theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 30/2018/NĐ-CP quy định: *“1. Định giá lại trong trường hợp có nghi ngờ về kết luận định giá lần đầu được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có đầy đủ căn cứ nghi ngờ về kết luận trên”*. Nguyễn Thanh H yêu cầu định giá lại tài sản nhưng không cung cấp được căn cứ cụ thể nghi ngờ về kết luận định giá của Hội đồng định giá huyện CT là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ như đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa đúng nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về tội cướp tài sản và tội đánh bạc, có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không chịu cải tạo bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó cho thấy bản tính xem thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm để cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo

dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H không đồng ý bồi thường giá trị cây mai số tiền 60.000.000 đồng cho bà Huỳnh Song C, thấy rằng: bị cáo H có hành vi bứng trộm cây mai, là nguyên nhân dẫn đến cây mai chết, do đó bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bà C giá trị của cây mai với số tiền 60.000.000 đồng. Bị cáo kháng cáo không đồng ý bồi thường giá trị cây mai nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Trong giai đoạn điều tra, gia đình bị cáo đã tự đã tự nguyện bồi thường trước cho bị hại số tiền 11.000.000 đồng nên được đối trừ vào tổng số tiền bồi thường.

[5] Đối với quan điểm của người bào chữa: Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại là chưa đủ cơ sở nên không được chấp nhận.

[6] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên: đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 02 (hai) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/02/2021 đến ngày 02/7/2021. Thời hạn tù còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà Huỳnh Song C số tiền 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số

tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

- Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Án phí hình sự phúc thẩm Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- Công an và VKSND Châu Thành (2b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã PD, huyện CT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Quang Sơn